

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI KIỂM TRA (Có điều chỉnh điểm)**Kỳ kiểm tra: HK1, Năm học: 2022 - 2023**

STT	Lớp	Họ và tên học sinh	Môn	Điểm trước phức khảo	Điểm sau phức khảo	Ghi chú
1	10C01	Hồ Lưu Gia Linh	Toán	8.0	8.5	Phản tự luận
2	10C02	Lê Hoàng Khang	Toán	7.8	8.3	Phản tự luận
3	10C02	Nguyễn Bảo Đăng Khoa	Toán	5.5	6.0	Phản tự luận
4	10C03	Lý Thanh Trúc	Toán	5.5	5.8	Phản tự luận
5	10C03	Phạm Châu Anh	Toán	6.8	7.8	Phản tự luận
6	10C03	Nguyễn Huỳnh Tiến Phát	Toán	9.5	10.0	Phản tự luận
7	10C03	Nguyễn Minh Thành	Toán	7.8	8.0	Phản tự luận
8	10C03	Trần Đỗ Văn Vỹ	Toán	6.5	7.8	Phản tự luận
9	10C04	Trần Nguyễn Hà Nhiên	Toán	7.8	8.0	Phản tự luận
10	10C04	Lê Thị Hồng Anh	Toán	7.5	8.0	Phản tự luận
11	10C04	Lại Ngọc Phương Trinh	Toán	5.8	6.0	Phản tự luận
12	10C04	Lương Ngọc Quế Hương	Toán	4.8	5.0	Phản tự luận
13	10C04	Đoàn Quang Minh	Toán	9.3	9.8	Phản tự luận
14	10C05	Huỳnh Đức Phát	Toán	7.3	7.8	Phản tự luận
15	10C05	Lê Vũ Khánh Duy	Toán	8.0	10.0	Phản tự luận
16	10C05	Văn Phú Ngọc Bảo	Toán	7.0	8.0	Phản tự luận
17	10C05	Hà Ngọc Tỷ	Toán	5.0	6.0	Phản tự luận
18	10C06	Kiều Minh Châu	Toán	8.8	9.8	Phản tự luận
19	10C06	Nguyễn Hồng Như	Toán	8.8	9.3	Phản tự luận
20	10C06	Nguyễn Lê Trà My	Toán	9.5	10.0	Phản tự luận
21	10C06	Vũ Nguyễn Thiên Phú	Toán	9.0	9.5	Phản tự luận
22	10C06	Lê Phan Gia Bảo	Toán	9.0	9.5	Phản tự luận
23	10C06	Lê Hoàng Vương	Toán	8.5	9.0	Phản tự luận
24	10C07	Trần Hồ Trâm Anh	Toán	9.0	9.5	Phản tự luận
25	10C07	Bùi Võ Anh Khoa	Toán	8.5	8.8	Phản tự luận
26	10C08	Nguyễn Quang Trường	Toán	5.5	6.0	Phản tự luận
27	10C08	Nguyễn Minh Tuấn	Toán	6.8	7.3	Phản tự luận
28	10C08	Lại Minh Anh	Toán	5.8	6.3	Phản tự luận
29	10C08	Lê Đăng Khoa	Toán	6.0	6.8	Phản tự luận
30	10C09	Hoàng Ngọc Minh Khôi	Toán	8.5	9.0	Phản tự luận
31	10C09	Đỗ Hoàng Quân	Toán	7.0	7.3	Phản tự luận
32	10C10	Trần Nguyễn Minh Hào	Toán	7.3	7.5	Phản tự luận
33	10C11	Nguyễn Phạm Phương Mai	Toán	9.0	9.5	Phản tự luận

STT	Lớp	Họ và tên học sinh	Môn	Điểm trước phúc khảo	Điểm sau phúc khảo	Ghi chú
34	10C12	Trần Minh Trí	Toán	4.8	5.3	Phần tự luận
35	10C12	Lê Văn Minh	Toán	9.5	10.0	Phần tự luận
36	10C12	Nguyễn Ngọc Bích	Toán	7.5	7.8	Phần tự luận
37	10C12	Nguyễn Ngọc Khánh	Toán	7.5	8.5	Phần tự luận
38	10C14	Trần Như Bảo Hân	Toán	8.8	9.3	Phần tự luận
39	10C14	Vũ Phúc Minh Khang	Toán	9.5	10.0	Phần tự luận
40	10C14	Lê Phương Trang	Toán	7.8	8.3	Phần tự luận
41	10C16	Lê Nguyễn Trí Đức	Toán	4.3	5.3	Phần tự luận
42	10C16	Võ Tô Song Thương	Toán	7.0	8.0	Phần tự luận
43	10C16	Đinh Phạm Quốc Nhật	Toán	7.8	8.8	Phần tự luận
44	11B02	Hoàng Bình Vĩnh Khang	Toán	9.5	10.0	Phần tự luận
45	11B04	Đỗ Xuân Đông	Toán	8.8	9.0	Phần tự luận
46	11B04	Phan Thị Thảo	Toán	7.8	8.0	Phần tự luận
47	11B05	Trần Trọng Phúc	Toán	6.5	6.8	Phần tự luận
48	11B05	Trương Đình Nhật Huy	Toán	7.5	8.5	Phần tự luận
49	11B05	Nguyễn Hoàng Phi Nguyễn	Toán	8.8	9.0	Phần tự luận
50	11B05	Lê Ngọc Thái Hà	Toán	6.8	7.8	Phần tự luận
51	11B05	Đào Trung Hiếu	Toán	6.8	7.0	Phần tự luận
52	11B05	Lê Thành Thắng	Toán	6.3	6.5	Phần tự luận
53	11B05	Hà Quốc Khánh	Toán	7.5	7.8	Phần tự luận
54	11B06	Huỳnh Thị Yến Nhi	Toán	8.0	8.3	Phần tự luận
55	11B06	Nguyễn Tấn Phát	Toán	5.8	6.8	Phần tự luận
56	11B07	Lê Phúc Hậu	Toán	7.0	6.8	Phần tự luận
57	11B07	Đào Huỳnh Đăng Khôi	Toán	8.8	8.3	Phần tự luận
58	11B08	Vũ Minh Khang	Toán	6.5	7.5	Phần tự luận
59	11B10	Vũ Thị Khánh Linh	Toán	7.5	8.5	Phần tự luận
60	11B13	Nguyễn Hoàng Minh Vy	Toán	5.0	5.3	Phần tự luận
61	11B13	Nguyễn Hương Ngọc	Toán	8.8	9.0	Phần tự luận
62	11B13	Lê Ngọc Hân	Toán	7.0	7.3	Phần tự luận
63	11B15	Nguyễn Mạnh Thắng	Toán	8.5	8.0	Phần tự luận
64	12A18	Bùi Hoàng Khánh Linh	Toán		7.4	Phần trắc nghiệm

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

MÔN: LÝ

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI KIỂM TRA (Có điều chỉnh điểm)

Kỳ kiểm tra: HK1, Năm học: 2022 - 2023

STT	Lớp	Họ và tên học sinh	Môn	Điểm trước phúc khảo	Điểm sau phúc khảo	Ghi chú
1	10C01	Phạm Nguyễn Trúc Nhi	Lý	1.0	1.5	Phần tự luận
2	10C03	Nguyễn Trọng Nhân	Lý	2.0	2.5	Phần tự luận
3	10C04	Võ Huỳnh Chí Minh	Lý	1.5	2.0	Phần tự luận
4	10C06	Lê Nguyễn Thiên Thiên	Lý	0.8	1.0	Phần tự luận
5	10C08	Phan Kim Loan	Lý	0.3	0.5	Phần tự luận
6	10C08	Nguyễn Thanh Trí Đức	Lý	1.3	1.8	Phần tự luận
7	10C12	Lê Văn Minh	Lý	1.8	2.3	Phần tự luận
8	10C15	Võ Nguyễn An Nhiên	Lý	2.0	2.3	Phần tự luận
9	11B04	Lê Trần Thiện Tâm	Lý	2.3	2.8	Phần tự luận
10	11B05	Võ Quang Vũ	Lý	2.5	3.0	Phần tự luận
11	11B14	Trần Ngọc Bảo Trâm	Lý	2.3	2.5	Phần tự luận

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

MÔN: HÓA

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI KIỂM TRA (Có điều chỉnh điểm)

Kỳ kiểm tra: HK1, Năm học: 2022 - 2023

STT	Lớp	Họ và tên học sinh	Môn	Điểm trước phúc khảo	Điểm sau phúc khảo	Ghi chú
1	10C04	Huỳnh Nguyễn Ngọc Phước	Hóa	1.5	1.8	Phần tự luận
2	10C13	Lê Thảo Nguyên	Hóa	2.0	2.5	Phần tự luận
3	10C13	Nguyễn Minh Ngọc	Hóa	1.8	2.5	Phần tự luận
4	10C14	Nguyễn Trần Bảo Nghi	Hóa	0.5	1.5	Phần tự luận
5	10C16	Hồ Tân Hồng Phước	Hóa	2.0	2.5	Phần tự luận
6	10C17	Trương Trọng Nghĩa	Hóa	1.3	2.3	Phần tự luận
7	11B05	Nguyễn Thảo Nguyên Giang	Hóa	1.0	1.3	Phần tự luận

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

MÔN: SINH

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI KIỂM TRA (Có điều chỉnh điểm)

Kỳ kiểm tra: HK1, Năm học: 2022 - 2023

STT	Lớp	Họ và tên học sinh	Môn	Điểm trước phúc khảo	Điểm sau phúc khảo	Ghi chú
1	10C18	Nguyễn Hoàng Phú	Sinh	0.8	1.8	Phần tự luận
2	11B11	Nguyễn Minh Thư	Sinh	1.5	2.0	Phần tự luận
3	11B01	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Sinh	1.5	2.0	Phần tự luận
4	11B02	Đinh Thị Hân	Sinh	2.3	2.8	Phần tự luận
5	11B02	Nguyễn Thanh Thái	Sinh	2.0	2.5	Phần tự luận
6	11B05	Nguyễn Quang Minh Quân	Sinh	1.8	2.0	Phần tự luận
7	11B10	Lê Quách Bảo Trâm	Sinh	1.0	1.3	Phần tự luận

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

MÔN: ANH

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI KIỂM TRA (Có điều chỉnh điểm)

Kỳ kiểm tra: HK1, Năm học: 2022 - 2023

STT	Lớp	Họ và tên học sinh	Môn	Điểm trước phúc khảo	Điểm sau phúc khảo	Ghi chú
1	11B14	Phạm Hà My	Anh		6.8	Phần trắc nghiệm (Tô sai mã đề)
2	11B06	Nguyễn Minh Tùng	Anh		5.6	Phần trắc nghiệm (Tô sai mã đề)
3	10C01	Lê Ngọc Thảo Vy	Anh	4.0	6.2	Phần trắc nghiệm (Tô sai mã đề)
4	11B15	Trần Cao Tường	Anh	2.2	2.6	Phần tự luận
5	11B15	Lê Hoàng Ngọc Bích	Anh	2.2	2.6	Phần tự luận
6	11B13	Nguyễn Hương Ngọc	Anh	2.2	2.4	Phần tự luận

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

MÔN: VĂN

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI KIỂM TRA (Có điều chỉnh điểm)**Kỳ kiểm tra: HK1, Năm học: 2022 - 2023**

STT	Lớp	Họ và tên học sinh	Môn	Điểm trước phúc khảo	Điểm sau phúc khảo	Ghi chú
1	10C02	Nguyễn Sanh Khoa	Văn	8.0	9.0	
2	10C04	Lương Ngọc Quế Hương	Văn	6.3	6.5	
3	10C04	Đỗ Nguyễn Xuân Nghi	Văn	8.0	8.8	
4	10C05	Dương Nguyên Khoa	Văn	7.5	7.8	
5	10C05	Trần Minh Nghĩa	Văn	7.8	8.0	
6	10C05	Ngô Thanh Ngân	Văn	7.0	7.3	
7	10C06	Nguyễn Hồng Nhiên Ngọc	Văn	8.5	8.8	
8	10C06	Lê Ngọc Duyên Thơ	Văn	8.5	9.0	
9	10C10	Phạm Nguyễn Tố Uyên	Văn	7.5	8.0	
10	10C13	Ngô Lâm Xuân Hiếu	Văn	5.5	7.5	
11	10C14	Trần Quang Long	Văn	4.5	5.0	
12	10C14	Trần Thị Thùy Linh	Văn	7.8	8.0	
13	10C15	Nguyễn Cửu Long	Văn	7.3	7.8	
14	10C16	Phan Ánh Dương	Văn	6.8	7.3	
15	10C17	Nguyễn Kim Ngọc	Văn	7.3	7.8	
16	11B03	Trần Gia Huy	Văn	7.5	8.5	
17	11B04	Đỗ Xuân Đông	Văn	7.0	7.3	
18	11B04	Thân Hoàng Phương Trinh	Văn	7.0	7.5	
19	11B06	Nguyễn Viết Vy Anh	Văn	4.5	4.8	
20	11B04	Huỳnh Lâm Bảo Trung	Văn	4.5	5.0	
21	11B10	Phạm Thị Hồng Duyên	Văn	7.0	8.0	
22	12A13	Cao Huỳnh Trúc Phương	Văn	6.5	7.5	
23	12A17	Phan Huyền Vi Trúc	Văn	7.3	7.8	

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

MÔN: SỬ

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI KIỂM TRA (Có điều chỉnh điểm)

Kỳ kiểm tra: HK1, Năm học: 2022 - 2023

STT	Lớp	Họ và tên học sinh	Môn	Điểm trước phúc khảo	Điểm sau phúc khảo	Ghi chú
1	10C14	Hồ Anh Thảo	Sử	3.8	4.3	Phần tự luận

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

MÔN: ĐỊA

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI KIỂM TRA (Có điều chỉnh điểm)

Kỳ kiểm tra: HK1, Năm học: 2022 - 2023

STT	Lớp	Họ và tên học sinh	Môn	Điểm trước phúc khảo	Điểm sau phúc khảo	Ghi chú
1	10C12	Nguyễn Đình An Nguyên	Địa	1.5	2.0	Phần tự luận
2	11B11	Nguyễn Lê Trúc Vi	Địa	2.0	2.5	Phần tự luận